T011 BD 2 (30) 160-Luận Bồ Tát Bản Sanh Man-Q14-Như Lai Đầy Đủ Trí Tuệ Không Gánh Việc Tốt Người Khác

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN QUYỂN 14

Hóa độ khắp chốn mong đạt chân thật. Điều phục thế gian, thí tánh viên mãn. Nhân Thánh tịch tĩnh gánh vác chân thực. Quả giác tận cùng muôn thuở dốc tu. Trí tuệ mong đạt khắp loài khắp chốn. Xa lìa gốc nhiễm, tịch tĩnh hữu vô. Bốn uẩn thuộc danh (thọ, tưởng, hành, thức), danh chất khó đạt. Dòng thác thế gian biến chuyển không ngừng. Tự tánh thắng nghĩa ngọn nguồn vô biên. Bản trí đạt được, mắt không thể thấy. Tịch tĩnh, vô tác trùm khắp mọi nơi. Thành tựu đúng phần phát sinh bình đẳng. Tự tánh tri kiến, thắng nghĩa tăng trưởng. Hành, giải gồm đủ, lực dụng phát khởi. Nơi chốn thế gian, cõi Sắc (là) trên hết. Cõi Đệ tứ thiền, tam tai (mới) lìa hẳn. Hạnh của bậc Thánh tĩnh trụ hòa hợp. Thiện hạnh dốc tu, đạt được thanh tịnh. Quả báo trọn nên (từ) nhân thắng công đức. Cõi học hành động, nẻo tu đức hạnh. Dốc tu thượng diệu, biến khắp thế gian. Hóa độ đạt được thiện lợi viên mãn. Gốc rễ biến chuyển, chân thật tăng trưởng. Chế ngự điên đảo, hạnh thí phát sinh. Hành, giải hướng cầu, nghiệp gốc thành tựu. Dòng thác tâm pháp, gốc do vọng động. Chánh kiến phát sinh, tịch tĩnh viên mãn. Thuận theo giáo pháp, tu tập thanh tịnh. Gốc tánh (của) thân tâm, năm uẩn là thể. Thuận theo Thập thiện, tu tập tối thượng. Tướng nhân đúng phần, tỏ rõ phiền não. Hình tướng cấu nhiễm (là) gốc mọi nghiệp dữ. Tu đạt giải thoát, nơi chốn tịch tĩnh. Mười hai nẻo sinh thu gọn (vào) trăm loại. Như mặt trời chiếu, tươi sáng đáng yêu. (Cũng) Như cõi nước kia, quốc vương thánh thiện. Giáo hóa bình đẳng, nghiệp dữ dứt hết. Tạo nghiệp nơi ấy (đạt) thiện tịnh, xa lìa (nghiệp dữ), là cõi quốc vương chân chánh, dứt tà. Trong ngoài sửa trị, Thánh trí như thần. Tâm không vọng tưởng, tánh giác tăng trưởng. Hành, giải rộng khắp, thuyết giảng tối thượng (mọi) vấn nạn thế gian. Hình tướng cõi thế, điên đảo trói buộc. Năng lực tự tại, nhân không bày hiện. Lìa bỏ nhân sợ, mong đạt tận cùng. Điên đảo, si độn (trở thành) nơi chốn tu tập. Kiếp họa "phong tai" (dữ dội đến nỗi) cõi đại thiên (cũng bị) hoại. Là cõi Bồ-tát vi diệu tăng thượng. Nơi chốn (được) chế ngự, tịch tĩnh viên mãn. Chi phần tà kiến diệt trừ tất cả. Ngôn ngữ phát sinh luận bàn (về lẽ) tối thượng. Lực dụng như vậy gốc ở thanh tịnh. Cõi ý hứng khởi, tự tại gắng bày. Hình tướng phước đức, thân tâm hòa hợp. Hạnh thí thâm diệu hướng tiến cùng tận. Cội rễ tịch tĩnh đạt được thắng nghĩa. (Quả vị) Chánh giác bất thoái, phát sinh, tăng thượng. Tu tập thù thắng dứt trừ bệnh hoạn. Dòng thác nhiễm ác gốc từ hý luận. Lực dụng hiện bày, biến chuyển khắp chốn. Tự tánh an nhiên, tu hạnh tịch tĩnh. Vô ngã sâu xa dứt mọi hý luận. Gốc tánh "vô úy", thinh sắc không nhiễm. Hướng cầu phiền não, nẻo thiện không hợp. Gốc nhận thức nhiễm, tạo nhân phiền não. Hình tướng tự tại, mong diệt điên đảo. Nghiệp dụng tự tánh, gốc khởi nơi tâm. Cội rễ nhiễm chướng phát sinh ngàn loại. Hý luận hiện bày (nên) xa lìa, dứt bỏ. Như mặt trăng tròn, mây che đâu sáng? Ngọn nguồn Thánh trí sạch nhiễm, thường hằng. Tự tại dứt buộc, phép tắc tăng thêm. Tinh tấn càng tăng, phiền não càng giảm. Thắng nghĩa bất thoái, dứt sạch tham dục. Tự tại hòa hợp, thanh tịnh tận cùng. Tu hạnh tịch tĩnh,

nhân ấy chân thật. Phiền não bao đời, Như Lai hằng dứt. Ngã kiến, biên chấp, tham mạn dấy theo. Thân tâm hợp nhất, dốc sức tu tập. Tu thí giảm trừ nhân của bệnh tham. Lực dụng tự tánh (làm) chuyển dòng nghiệp dữ. (Như) hý luận dấy tăng (trở) thành chốn dốc tu. Sắc tướng hữu tình không thể lìa bỏ. Phật pháp thanh tịnh, năng lìa chướng, nhiễm. Như lửa cháy rực,

thế mạnh khó dừng. Tịch tĩnh gốc tu, sợ hãi không buộc. Hóa độ tận cùng, tu hạnh giải thoát. Tịch tĩnh, xa lìa, dứt mọi hình tướng. Hành, giải gồm đủ, dạy bảo mẫu mực. Mong dứt nhiễm, tranh. Lực dụng thù thắng, hành thí thấu đạt. Trừ gốc rễ mạn. Tự tánh tạo tác, thảy đều phát sinh. Lìa bỏ phiền não, ưu khổ, sợ hãi. Thế nào là hạnh thí dốc tu khắp chốn? Chế ngự mọi chốn, chân thật tận cùng. Mong đạt thắng nghĩa vô ngại như (hư) không. Trí tuệ sáng tỏ, lực dụng viên mãn. Tạo nhân dứt phiền, cứu cánh thanh tịnh. Danh sắc rực rỡ như Ca-tỳ-la. Tu tập như vậy, tự tại vô cùng. Chúng Thánh hòa hợp (là) thắng nghĩa bình đẳng. Thế nào là tâm pháp không có hình chất? Các pháp nhóm, khởi, không hề trừ bỏ. Tướng nhân khổ thọ, cấu nhiễm là gốc. Điên đảo trói buộc ưu khổ không bờ. Hóa độ thuận hợp, tăng trưởng tạo nghiệp (lành). Dòng thác chướng nhiễm dấy khởi ra sao? (Như) ngọn lửa cháy rực sức mạnh khó ngăn. Chân thật vô biên, bình đẳng còn mãi. Trong lặng hiện bày, an định biến khắp. Cội rễ hý luận, thể hư (nhưng) báo thật. Tạo nghiệp tận cùng thế mạnh khó dứt. Si độn dấy tăng, gồm đủ sợ hãi. Điên đảo như vậy dấy khởi tận cùng. An tĩnh, yên định, điên đảo lắng sạch. Sĩ phu thêm tu, lực dụng rạng rỡ. Mọi điên đảo nhiễm, hạnh mật dứt trừ. Tự tánh thù thắng, tiến tu khắp cõi. Tự tánh điều phục, thượng diệu phát sinh. Lực dụng thanh tịnh, phước báo viên mãn. Thế nào là hướng đạt lìa ác tu thiện? Hưng phát hăm hở (nhằm đạt) cứu cánh tận cùng. Các loại thắng hạnh (là) dốc tu bố thí. Cội rễ phát sinh thắng nghĩa tự tánh. Tu hạnh giáo hóa (làm) mẫu mực thế gian. Dứt hành lưu chuyển, tịch tĩnh hướng đạt. Giải thoát dứt buộc, không phải (là) hủy diệt. Thế nào là dứt sạch hý luận, gốc trí tuệ thêm rõ? Chi phần hữu tình hợp nhất tạo được. Thế nào là phân chia hình tướng của tâm khó đạt? Bốn uẩn thuộc danh, danh (vốn) không sắc tướng. Hạnh nhẫn tận cùng, gốc là tĩnh trụ. Trong lặng thanh tịnh, tươi lành, chẳng bợn. Tự tánh thắng nghĩa nguồn ngọn (là) bất sinh. Hiện bày (từ) vô thỉ, lìa mọi trói buộc. Hình tướng chẳng sinh, lực dụng tùy thuận. Hành khổ não ấy, tấn tu dứt trừ. Xa lìa hủy hoại, g âi c

được tịnh thí. Quả khổ đã dứt, thắng nghĩa đạt khắp. Tùy thuận đạt được cứu cánh Đại thừa. Cả việc mong đạt thọ mạng cùng tận. Thắng lợi thu được chính nhờ bố thí. Ngọn nguồn tịch tĩnh (là) dứt sạch ngã mạn. Hóa độ hữu tình, rõ nghĩa thù thắng. Tịch tĩnh không (có) chốn (là) gốc mọi nghiệp dữ. Cõi thí tịnh diệu, chứng đắc Thánh quả. “Hại” trong tiểu tùy (phiền não) kết cùng ngã mạn. Trượng phu si độn, mạn nhiễm dấy tràn. Lực dụng tự tánh diệt sạch các mạn (ấy). Điên đảo bám rễ từ (gốc) tranh, phiền não. Tự tánh hữu tình, an tĩnh chế ngự. Bệnh nạn trói buộc hủy hoại sắc lực. Nhân thắng phát khởi, chế ngự, lìa bỏ (bệnh nạn). Tu hạnh tịch tĩnh là gốc (của) tĩnh trụ. Bố thí thanh tịnh, dứt bỏ tham si, là chốn vương giả Thánh trí ngự khắp. Sửa trị, giúp khắp, tai họa chẳng sinh. Sự thật thấu đạt, tà nịnh tự diệt. Thuận theo giáo lệnh chẳng phải quấy phá. Thánh lực điều phục (bao) sợ hãi (ở) thế gian. Lực dụng căn bản thù thắng hiện

bày. Tu tập tăng thêm, giáo hóa muôn loài. Mong cầu xa lìa, dứt mọi sợ hãi. Thế nào là căn bản hành giải gồm đủ? Tự tín tăng trưởng, nghĩa lợi cùng đạt. Nhân thắng vận dụng, chân thật hiện rõ. Lực dụng tăng lên, gốc là Thập thiện. Thí ấy không mất, lành thay chỗ đạt! Bờ cõi đảm đang, muôn loài an tĩnh. Lực tự tại ấy kết cùng chấp ngã. Chúng sinh dố

thuận, an tĩnh hiện bày. Tri kiến căn bản rõ mọi trói buộc. Mẫu mực viên mãn thuận hòa như thế. Điên đảo phát khởi, điều phục dứt bỏ. Thấu đạt các pháp thắng nghĩa là vậy. Hành, giải đầy đủ, bình đẳng phát sinh. Lực dụng sinh khởi đạt được "vô úy". Tịnh diệu ung dung, thể hiện như thế. Danh (là) gốc bốn uẩn, chỗ nương của sắc. Thành tâm sám hối (đạt) thanh tịnh viên mãn. Ba thừa hóa độ, cùng đến bờ giác. Tội sám trọn đủ, tĩnh trụ tu trì. Cõi trời an lạc, thanh tịnh ắt đạt. Hướng cầu thuận hợp thanh tịnh chân thật. Bồ-tát hành thí, Tôn giả Trang Nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa thứ hai mươi chín. Nhân thí viên mãn, báo dứt đói khát. Hình tướng tươi đẹp, tự tánh tăng lên. Đó là tùy thuận thấu đạt các hạnh Bồ-tát. Năng lực hợp phần. Dưỡng nuôi hình tướng (là) căn bản phước đức. Tạo nghiệp tận cùng. Thảy đều như vậy. Lực dụng tăng trưởng. Tiến lui thích ứng, chân thật khéo bày. Không ngoài lợi ích, ba thiện căn bản. Chỗ dựa hơn hẳn. Nhân thắng bố thí, thân tướng trang nghiêm. Cõi ý hòa hợp thật sự như vậy. Hành, giải sâu xa, tịnh diệu khế hợp. Nương tựa thân tướng uy nghiêm trùm khắp. Nơi chốn tịnh diệu tươi đẹp đều thua. Bốn uẩn sung mãn, sắc tướng trong sáng. Bình đẳng vô úy tiến thoái thông tỏ. Uẩn hợp nhân thắng, thức gốc tự chứng. Sắc tướng, thân thể thảy đều như vậy. Lực dụng tăng trưởng, gánh vác tận cùng, là chốn tâm tịnh bố thí làm gốc. Bậc Đại Bồ-tát yêu thích nơi ấy. Lực dụng thông tỏ, thấu đạt thanh tướng. Tâm tịnh thật ấy năng dứt tham dục. Thắng hạnh thanh tịnh, thắng lực tấn tu. Nơi chốn không đổi, chuyển biến vô ngại. Thế nào là thiền định tịch tĩnh điều phục? Diệu dụng Phật đạo bao la như thế. Tịch tĩnh tăng lên, thông tỏ mọi lẽ. Viên mãn tận cùng, lìa xa phiền não. Chúng sinh cùng tận không ngoài sáu đường. Trí tuệ thành tựu nhờ vào tịch mặc. Nhân thiện chuyển biến hiện bày như thế. Lìa mọi dứt nhiễm, giải thoát hòa hợp. Thế nào là thanh tướng thấu đạt nghĩa lợi? Thánh lực vô lượng, trí tuệ suy cầu. Ma-ha Tát-đỏa là đại hữu tình. Hành, giải bình đẳng, thương dẫn hóa độ. Dứt trừ nhiễm độn, hòa hợp tịch tĩnh. Chỉ dạy chân thật, si mau diệt sạch. Chế ngự độc khổ, thắng nghĩa thuận hợp. Thanh tướng thiện diệu phát sinh thương xót. Cõi ý lắng dục, (là) bậc đại hữu tình. Phát nguyện gánh vác tận cùng tất cả. Ngọn nguồn thâm diệu, nhân thắng chẳng mất. Cội rễ hữu tình ngu si điên đảo. Làng xóm, nơi chốn cõi xa khó tới. Bảy chúng hữu tình cần cậy Thập thiện. Sinh sôi hủy diệt rõ nghĩa muôn loài. Hành thí thấu đạt viên mãn cùng tận. Gánh vác đầy đủ rõ nghĩa rộng lớn. Điều phục hữu tình, nghĩa lợi thù thắng. Thực hiện tốt đẹp, bụi bặm không nhiễm. Lực dụng nhân thắng vô ngại như (hư) không. Nhân hành xưa nay thanh tịnh, giải thoát. Phạm hạnh trùm khắp, đói khổ dứt trừ. Nhận thức, chế ngự tinh nghiêm, thiết thực. Hành, giải đủ lực, tịnh thí mong đạt. Cõi ý chân thật, chứa nhóm thuận hợp. Tạo nhân rộng khắp, thấu đạt viên mãn. Giáo hóa chúng sinh lìa bỏ chướng nhiễm, độc hại xua sạch, thắng nghĩa viên mãn. Thấu đạt tịch tĩnh, lìa bỏ nhân buộc. Giáo hóa thanh tịnh, thâm diệu hợp nhất. Là chốn Bồ-tát hiện rõ, các chúng thanh tịnh hướng đạt. Hành, giải đầy đủ, tự tại dứt mạn. Như vậy là dứt

(mọi) trói buộc biến khắp. Thù thắng tăng thêm, căn bản hướng đạt. Chỉ dạy thanh tịnh, dứt trừ hý luận. Tu tập thương dẫn, thắng nghĩa vận dụng. Thế nào là đạt được? Thế nào là hướng cầu? Bố thí tùy thuận, thanh tịnh hiện bày. Tịch tĩnh viên mãn, ngã pháp đều dứt. Ưu khổ phiền não thiện tịnh đều lìa. Thế nào là pháp tịnh tổn giảm không nhân? Là chốn trượng phu, hướng đến chân thật. Thuận theo danh tướng chế ngự hý luận. Bố

thí hành khắp, dứt nhân tham dục. Thế nào là hóa sinh biến chuyển hơn hết? Tươi đẹp, tịnh diệu, nhân của thí giới. Đạt được, tăng lên, tự tin vô cùng. Thắng nghĩa tịch tĩnh (là) an tĩnh hiện bày. Dứt tất cả mọi nghiệp dữ, độc hại. Tự tánh bản lai thanh tịnh, thâm diệu. Cõi học tận cùng (là) tịch tĩnh, chế ngự. Căn bản tự tánh (là) nhân thiện hiện rõ. Lực dụng chân lý (là) phát huy tri kiến. Hý luận, ngã buộc, (là) hình tướng phàm phu. Điên đảo mong cầu bản lai tự tánh. Trói buộc, chấp ngã (là) nhân của phiền não, là chốn ngôn ngữ hữu tình phát khởi. Là xứ vì sao muôn loài lìa bỏ? Số ấy đến ngàn, sợ hãi không dứt. Trí tuệ chỉ rõ, thanh tịnh phát sinh. Nhân của trói buộc, khổ não, không mất. Bố thí khắp chốn bình đẳng như (hư) không. Tấn tu như vậy đạt được thù thắng. Chế ngự không ngừng phiền não, hý luận. Theo trí căn bản phát khởi vô biên. Muôn loài mến mộ, nương cậy như thế. Hình bóng trùm khắp là (bậc) đại hữu tình. Thương mến muôn loài sầu khổ không dứt. Bình đẳng thuận theo, điều phục chúng sinh. Loạn động không dấy, dạy bảo như vậy. Ngôn ngữ tịch tĩnh lìa bỏ si, mạn. Phép tắc bày rõ, vật dụng đáng quý. Lành thay, vô úy! Chẳng bỏ chúng sinh. Thù thắng điều phục, giáo hóa khế hợp. Dòng thác pháp nhiễm nung đốt tận cùng. Nhân nhiễm hủy hoại lực dụng an tĩnh. Ngã mạn dấy tăng, thắng nghĩa dừng dứt. Tu hạnh hòa hợp, an trụ, vô ngại. Tu tập hướng đạt nhân thắng tự tại. Nơi chốn thiện diệu không nên lìa bỏ. Bố thí tận cùng dứt chốn hý luận, là nơi chân thật dốc tu thuận hợp. Tướng Đại trượng phu thương dẫn muôn loài. Sáng tỏ, an trụ, suy nghĩ, dẫn dắt, cực nạn cứu giúp. Xứ sở như vậy tai nạn tăng thêm. Tăng trưởng viên mãn, lực dụng vô ngại. Ái lạc đổi dời không mong an trụ. Không tu tịnh hạnh, cấu nhiễm chiếm chỗ. Thế nào là bệnh hoạn, nghiệp dữ đích thực? Lực dụng tịch tĩnh, thâm diệu dứt trừ. Thế nào là điên đảo, si độn nhân dày? Trói buộc thêm vòng, ngăn che nào giảm. Gốc của phiền não không do nghiêng ngửa. Các mạn, si mê dấy tăng khó diệt. Trói buộc khó dứt, phải dựa Thánh lực. Hình tướng nhiễm buộc che lấp không dừng. Tĩnh trụ nên gắng, dẫn dạy, dốc tu. Hành động xấu ác, lực dụng khó chuyển. Chướng nặng, việc sâu thật khó sám hối. Khổ sở như vậy, nghiệp xấu trọn nên. Tĩnh lặng thuận hợp, an trụ tu trì. Trừ diệt đói khổ thắng nghĩa viên mãn. Dẫn dắt, gánh vác muôn loài nhiều kiếp. Diệu dụng Phật đạo vô biên như vậy. Chủng tử, hiện hành pháp sinh đúng nơi. Giáo pháp thanh tịnh hướng cầu ắt đạt. Thắng nghĩa viên mãn, tĩnh trụ ung dung. Lực dụng tịch tĩnh (là) căn bản điều phục. Cuốn theo dòng thác thực sự (là) luân lưu. Chi phần bệnh nạn nhận rõ (là) không thật. Bố thí chúng sinh đạt được an tĩnh. Ý định thông tỏ chi phần hình thể. Chốn dứt điên đảo, nghĩa lợi đáng quý. An trụ pháp thiện. Tự tại hòa hợp. Chấp ngã thêm sâu, khổ não chồng chất. Tạo nghiệp thanh tịnh năng diệt tham dục. Thấu đạt đúng phần, chân lý xuất hiện. Dứt nhân sợ hãi, nhớ nghĩ nên gắng. Đủ sức gánh vác (đạt) thanh tịnh căn bản. Phiền não chúng sinh tu pháp nào lìa? Tự tánh tu tập phước đức rất lớn. Tận cùng như vậy gốc ở thắng

nghĩa. Thương yêu chúng sinh lấy đó làm mẫu. Thắng nghĩa không mất, chỗ nương (của) chúng sinh. Cõi ý chân thật (là) gốc mọi hình tướng. Bình đẳng điều phục khắp mọi nơi chốn. Xứ sở (đang bị) tàn phá (bình đẳng) không thể hiện bày. Nơi ở chẳng an, tâm bị vướng mắc. Định tuệ phát sinh, chỗ nương (của) tự tại. Hình bóng biến chuyển, pháp tánh thường trụ. Phàm Thánh bình đẳng, thế gian nương đấy. Dốc tu tận cùng đạt được "vô pháp". Công đức vô biên hằng hà sa số. Buông theo ái dục không đạt nẻo thiện. Lành thay, nơi chốn,

hình tướng nhiều loại. Tu tập thiện diệu, vô niệm (là) ở đấy. Gánh vác luôn nhớ, cứu khổ không dừng. Linh động, thích ứng, mong đạt điều ấy, là chốn thương dẫn phát khởi rộng khắp. Tâm hứng chân thật, tự tại, tịch tĩnh. Phạm hạnh phát huy, năng dứt phiền não. Tạo nghiệp tận cùng, gốc Sát-đế-lợi. Dốc tu như vậy, lực dụng bất thoái. Công năng Thập thiện muôn loài quý trọng. Bày biện, cấp đủ, vi diệu khó đạt. Dứt mọi trói buộc cấu nhiễm hý luận. Gốc là pháp tánh chân thật đáng quý. Như sen (mọc) từ bùn, (hoa) tươi thơm vi diệu. Trong lành tĩnh lặng chút bụi không vướng. Bố thí mong đạt tươi đẹp như thế. Dứt hết (các) pháp buộc điên đảo, nghiệp dữ. Chướng nhiễm, chấp ngã, tác dụng (của chúng) khó ngăn. Nhân thắng thiện tịnh (là) diệu dụng chân thật. Thân tâm tĩnh lặng, phiền não liền dứt. Vọng nhiễm, ngã mạn, (chỉ làm) mê muội sâu dày. Tuệ nhiễm biến khắp trói buộc chân thật. Nhân nhiễm không dứt, hình tướng điên đảo. Hý luận dấy tràn trói buộc tự tại. Chỉ dạy tận cùng (là) dứt bỏ tạo nghiệp. Nghiệp tạo xa gần, quả báo tuần tự. Phật đạo hưng lên, nghiệp ác đều dứt. Hành, giải đủ đầy, chúng sinh bình đẳng. Thanh tịnh thù thắng khắp mọi nơi chốn. Căn bản Phật đạo (là) diệt trừ chướng nhiễm (cùng) phát khởi nhân tịnh, thông tỏ chân thật. Tấn tu diệt mọ

thiện, thọ báo trời, người. Cõi ấy đúng phần, hiện bày hóa độ. Nhân tướng (ở cõi) trời ấy, thắng nghĩa không mất. Tự tánh phiền não, ưu khổ phát sinh. Gốc buộc chấp ngã, trói che chồng chất. Thông tỏ như vậy, thanh tịnh điều phục. Lực dụng Như Lai viên mãn tột bậc. Tu tập hiền thiện, thấu đạt công đức. Bố thí tận cùng thắng nghĩa viên mãn. Tự tánh thông tỏ, hiền thiện như vậy. Phép tắc hướng đạt thù thắng vô cùng. Thiện tịnh chế ngự điên đảo, kinh sợ. Tu thí hưng phát, tịch tĩnh, sung túc. Như Lai là nghĩa thâm diệu tối thượng. Thuận hợp viên mãn, lìa mọi hình bóng. Dòng thác chuyển biến, đúng lời Phật dạy. Phân biệt, nhận rõ, hóa độ bình đẳng. Tấn tu tăng thêm, tạo nghiệp "vô úy". Si độn, điên đảo, dốc tu trừ sạch. Xứ thanh tịnh ấy tu hạnh chân thật. Tấn tu Thập thiện, nghĩa lợi tự tại. Thần túc tịnh diệu dồi dào như thế. Hương tuệ thanh tịnh đạt được thường hữu.

Bồ-tát hành thí, Tôn giả Trang Nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa thứ ba mươi.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.